

Bản án số: 117/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2025.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa
chị Trần Thị T và anh
Phạm Văn D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPNĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ngọc;
2. Bà Trần Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Phương Thuỷ - Thư ký Toà án nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Hoàng Tiến Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1979; căn cước công dân số: 036179002781; nơi cư trú: Tổ dân phố Đông Đồng N, phường Nam P, TPNĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn D, sinh năm 1975; căn cước công dân số: 036075001413; nơi cư trú: Tổ dân phố Đông Đồng N, phường Nam P, TPNĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 02 năm 2025, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 9 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Nam T, huyện Nam N, tỉnh Nam Hà. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Phạm Văn D chơi bời, rượu chè không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Kinh tế gia đình khó khăn, chi tiêu tốn kém nhưng anh D đi làm ăn lại không trung thực về thu nhập để cùng chị chăm lo gia đình. Bản thân chị đã nhiều lần nói chuyện để anh D thay đổi và yêu cầu anh phải công khai số tiền đi làm ăn, thu nhập từ năm 2018 đến nay nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn càng tăng kéo dài và vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Phạm Văn D nên đề nghị được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh Phạm Văn D có bốn con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1998; Phạm Thu H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2004; Phạm Thanh H, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2006 và Phạm Nhật Gia H, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2019. Hiện các cháu Phạm Thị H; Phạm Thu H và Phạm Thanh H đều đã trưởng thành, tự lập được; cháu Phạm Nhật Gia H còn nhỏ, nguyện vọng của chị đề nghị được nuôi cháu Huy và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

Hiện vì lý do công việc cá nhân, chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

2. Tại bản tự khai giao nộp cho Tòa án ngày 06 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Phạm Văn D khai nhận về mối quan hệ hôn nhân, con chung của vợ chồng như chị Trần Thị T trình bày. Anh xác nhận, vợ chồng kết hôn chung sống hạnh phúc đến ngày 26 tháng 12 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hằng năm anh đi làm ăn xa về vẫn đưa tiền để chị T chăm lo gia đình nhưng vì cuối năm 2024 anh bị tai nạn lao động, phải điều trị tốn kém nên chỉ đưa về được hai mươi triệu đồng nên chị T khó chịu với anh. Trong khi anh bị tai nạn lao động thì chị T cùng các con không quan tâm gì đến anh. Nay chị Trần Thị T yêu cầu ly hôn, anh có quan điểm không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Trường hợp nếu phải ly hôn, về con chung anh có quan điểm hiện các cháu Phạm Thị H; Phạm Thu H và Phạm Thanh H đều đã trưởng thành, tự lập được. Cháu Phạm Nhật Gia H còn nhỏ, anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con cũng như tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện vì lý do công việc cá nhân, anh Phạm Văn D cũng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

3. Tại biên bản xác minh ngày 20 tháng 02 năm 2025, chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh Phạm Văn D và chị Trần Thị T cư trú xác nhận trong quá trình sinh sống tại địa phương, việc mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh D địa phương

không biết. Nay chị Trần Thị T yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tại phiên toà, các đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử xem xét đơn khởi kiện cùng các lời khai thể hiện quan điểm của các bên đương sự.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPND, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị T để giải quyết ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Văn D; giao chị Trần Thị T nuôi dưỡng cháu Phạm Nhật Gia H; việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung giữa các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Trần Thị T; bị đơn anh Phạm Văn D đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Văn D trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 9 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Nam T, huyện Nam N, tỉnh Nam Hà (cũ) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chị T anh D thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, hằng năm anh D đi làm tự do xa nhà, thu nhập không ổn định nên chị T cho rằng anh không trung thực về khoản thu nhập và không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Mâu thuẫn căng thẳng kéo dài không thể dung hoà và vợ chồng anh chị đã ly thân nhiều tháng nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị Trần Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn là có cơ sở để Tòa án xem xét. Phía anh Phạm Văn D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nhưng anh cũng thừa nhận vợ chồng đã ly thân nhiều tháng nay và bản thân anh cũng không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, phía chị Trần Thị T xác định không còn tình cảm vợ chồng nên kiên quyết ly hôn. Điều đó cho thấy việc anh D không đồng ý ly hôn cũng sẽ không mang lại hạnh phúc. Vì vậy, Tòa án sẽ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Trần Thị T và anh Phạm Văn D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T để giải phóng khỏi sự ràng buộc của hôn nhân không hạnh phúc cho các bên là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với thực tế cũng như quy định của pháp luật.

[2] *Về nuôi con*: Chị Trần Thị T và anh Phạm Văn D cùng xác nhận vợ chồng có bốn con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1998; Phạm Thu H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2004; Phạm Thanh H, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2006 và Phạm Nhật Gia H, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2019. Hiện các cháu Phạm Thị H;

Phạm Thu H và Phạm Thanh H đều đã trưởng thành, tự lập được; cháu Phạm Nhật Gia H còn nhỏ, anh chị cùng có quan điểm để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huy và việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xét việc thoả thuận nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên của chị Trần Thị T và anh Phạm Văn D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thoả thuận này của các đương sự và sẽ giao cháu Phạm Nhật Gia H cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con để anh chị tự thoả thuận.

[3] *Về tài sản*: Chị Trần Thị T và anh Phạm Văn D không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Trần Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá XIV.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Văn D.

2. Về nuôi con: Giao cháu Phạm Nhật Gia H, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2019 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T và anh Phạm Văn D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số: 0002587 ngày 11/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự TPND, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Phạm Văn D có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TPND;
- Cơ quan THADS TPND;
- UBND phường Nam P;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Quang